TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI CHÂU** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Sùng A Chênh;
2. Ông Lường Khắc Tiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khà Thị Thanh Loan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thúy Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/8/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Khà Y D, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm Th, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

- **Bị đơn**: Anh Hờ A G, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm Th, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2023, biên bản lấy lời khai 10/5/2023 và ngày 06/7/2023 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Khà Y D đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Khà Y D và anh Hờ A G qua tìm hiểu và tự nguyện kết hôn ngày 26/7/2007, tuy nhiên tại thời kết hôn do chưa đủ tuổi chị Khà Y D và anh Hà A G đã khai không đúng về ngày, tháng, năm sinh của mình, cụ thể tại thời điểm đó chị D mới 16 tuổi 10 tháng, còn anh G 15 tuổi 11 tháng. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống với nhau tại xóm Th, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, nhưng từ tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn anh G thường xuyên đánh đập và chửi bới chị D. Do không thể chịu đựng được nên tháng 6 năm 2022 chị D và anh G sống ly thân nhau, chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xóm Th, xã H, huyện M để sinh sống. Đến nay chị nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa tình cảm vợ chồng không còn, không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ việc gia đình, đến nay cả hai vợ chồng đã đủ tuổi kết hôn

đã có con chung. Vì các lý do này chị D đã đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh G.

Về con chung: Chị Khà Y D và anh Hờ A G có 04 con chung là Hờ Y D1, sinh ngày 23/7/2007, Hờ Y H, sinh ngày 28/02/2010, Hờ Y N, sinh ngày 13/9/2012 và Hờ A S, sinh ngày 12/11/2014. Hiện nay cả 04 con đều đang ở với anh G. Sau khi ly hôn, yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 04 con cho anh Hờ A G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các con đều trên 07 tuổi, nếu nguyện vọng con ở với tôi thì tôi chưa yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Khà Y D khai không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Khà Y D khai không có nợ chung, không có nghĩa vụ chung gì về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với anh Hờ A G, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không gửi bản khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Châu phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Qua kiểm sát quá trình giải quyết vụ án thấy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu. Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mai Châu đã thụ lý, thu thập các tài liệu chứng cứ và tiến hành tống đạt theo thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định có liên quan của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không ký các văn bản tố tụng gây khó khăn cho công tác giải quyết vụ án của Tòa án.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa chị D và anh G khi kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn, Tuy nhiên đã sống với nhau từ năm 2007 đến nay, đã có 4 con chung, do mâu thuẫn gia đình đến mức trầm trọng nên chị D yêu cầu cho ly hôn. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày tại phiên tòa của chị D thấy đã đủ căn cứ cho ly hôn theo yêu cầu của đương sự, chấp nhận là có căn cứ pháp luật, được hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP và quy định tại các Điều 51, 56, 81,82 Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về giải quyết trường hợp tại thời điểm kết hôn chưa đủ tuổi kết hôn: Hôn nhân giữa chị Khà Y D và anh Hờ A G là tự nguyện, được UBND xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn tuy nhiên là không hợp pháp

do tại thời điểm kết hôn cả hai chưa đủ điều kiện về độ tuổi. Sau khi kết hôn năm 2007 anh chị sống chung với nhau tại xóm Th, xã H, huyện M, tỉnh Hòa Bình đến tháng 6/2022 và đã có 04 con chung. Đến ngày 10/5/2023 Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2023 về việc xin ly hôn của chị Khà Y D đối với anh Hờ A G và thụ lý vụ án ngày 10/5/2023 để giải quyết. Tại Biên bản về việc bị đơn không nhận văn bản lập ngày 12/5/2023 thể hiện anh G không nhận thông báo thụ lý vụ án với lý do: Anh G nói chúng tôi đã sống chung từ năm 2007, có đăng ký kết hôn, đã có 04 con chung, cần công nhận cho chúng tôi, không đồng ý ly hôn. Như vậy phù hợp với quan hệ pháp luật có tranh chấp đã thụ lý và trường hợp này cần giải quyết cho ly hôn theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Châu theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trước phiên họp và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chị Khà Y D không yêu cầu đương sự khác cung cấp chứng cứ cho mình và việc cung cấp tài liệu chứng cứ cho nhau không thực hiện được do anh Hờ A G không có mặt lần nào tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Việc tống đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hờ A G đã được lập biên bản theo quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã thực hiện theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, nên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[5] Về xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Hờ A G vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án để đảm vảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự, cũng như đảm bảo thời hạn tố tụng Tòa án.

[6] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai, các chứng cứ thu thập được, nhận thấy lời trình bày của chị D tại phiên tòa thể hiện từ tháng 5 năm 2022 đến nay mâu thuẫn lớn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, xa cách, không còn quan tâm gì tới nhau, không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ việc gia đình. Đến nay hoàn toàn không còn tình cảm gì với anh G và đã sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2022 đến nay. Tại Biên bản về việc bị đơn không nhận văn bản lập ngày 12/5/2023 thể hiện anh G muốn công nhận là vợ chồng không muốn ly hôn nhưng xét thấy tình cảm tình nghĩa vợ chồng phải có từ hai phía. Từ những vấn đề nêu trên nhận thấy hôn nhân giữa chị Khà Y D và anh Hờ A G đã lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị Khà Y D, giải quyết cho chị Khà Y D được ly hôn với anh Hờ A G. Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về con chung: Chị Khà Y D và anh Hờ A G đã có 04 con chung, đang do anh G nuôi dưỡng nhưng anh G không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, do vậy cũng không đưa các con đến Tòa án để hỏi nguyện vọng của các con. Mặt khác Tòa án cũng đã có văn bản gửi UBND xã H, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình về việc phối hợp trong việc giải quyết vụ án trong đó có việc đến tận nơi để hỏi nguyện vọng của các con chị D, anh G, nhưng UBND xã H đã có văn bản trả lời do có lý do đặc thù của địa bàn xóm Th, xã H và thái độ không hợp tác, chống đối, cán bộ Tòa án không thể đến tận nơi được. Do vậy không hỏi nguyện vọng của con trên 7 tuổi được. Chị Khà Y D có ý kiến giao cho anh G nuôi cả 04 con, nhưng xét thấy để thuận lợi cho việc nuôi con và việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con, tình cảm giữa con và cha mẹ nên giao cho mỗi người nuôi hai con cụ thể: Giao cho chị Khà Y D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Hờ Y H, sinh ngày 28/02/2010 và Hờ Y N, sinh ngày 13/9/2012; giao cho anh Hờ A G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hờ Y D1, sinh ngày 23/7/2007 và Hờ A S, sinh ngày 12/11/2014 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Do mỗi người nuôi hai con và chị Khà Y D chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên chị Khà Y D và anh Hờ A G chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung: Chị Khà Y D khai không có tài sản chung, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[9] Nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Khà Y D khai không có nợ chung, không có nghĩa vụ chung gì về tài sản, không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Chị Khà Y D phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Theo quy định của Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Hờ A G vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Khà Y D được ly hôn anh Hờ A G.

2. Về con chung: Giao cho chị Khà Y D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Hờ Y H, sinh ngày 28/02/2010 và Hờ Y N, sinh ngày 13/9/2012; giao cho anh Hờ A G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Hờ Y D1, sinh ngày 23/7/2007 và Hờ A S, sinh ngày 12/11/2014 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Do mỗi người nuôi hai con và chị Khà Y D chưa yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên chị Khà Y D và anh Hờ A G chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Khà Y D khai không có tài sản chung, không có nợ chung, không có nghĩa vụ chung gì về tài sản, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Khà Y D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000514 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Châu. Chị D đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Hờ A G vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- VKSND huyện MC;
- THA dân sự huyện MC;
- UBND xã H;
  (Đăng ký ngày 26/7/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thanh Tùng